TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Bằng Phi**

2. Ông **Lê Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tố Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P1

Địa chỉ: Tòa nhà T, số A T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Trọng A. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP P1, chi nhánh B.

Ông Trương Trọng A ủy quyền lại cho:

1.1. Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1986. Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ hiện trường. *(Có mặt)*

1.2. Anh Tiên Thanh T1, sinh năm 1991. Chức vụ: Trưởng nhóm thu hồi nợ hiện trường. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: số D đường T, phường B, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: số B Lô I, Lương Đình C, khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Út . Địa chỉ: số B Lô I, Lương Đình C, khóm D, phường B, tỉnh Cà Mau. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:*

Vào ngày 19/3/2021, Ngân hàng TMCP P1, chi nhánh B với chị Nguyễn Thị H1 đã ký hợp đồng tín dụng số 0023/2021/HĐTD-OCB-CN để vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng, mục đích bù đắp tiền mua bất động sản với lãi suất trong hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 120 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng. Chị H1 đã nhận đủ tiền vay bằng hình thức chuyển khoản theo Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0023/2021/KUNN-OCB-CN ngày 20/3/2021.

Để bảo đảm cho khoản vay thì chị Nguyễn Thị H1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ ngày 19/3/2021 với Ngân hàng TMCP P1, chi nhánh B để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 70, diện tích 82,4m^2 đất ở tại đô thị toạ lạc đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là đường L, phường B, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/12/2011 cho ông Lữ Thanh P và bà Lê Thị O đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 595800 (đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh thay đổi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 02/3/2021).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, chị H1 đã chậm thanh toán và phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với chị H1 để yêu cầu trả nợ nhưng chị H1 vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu chị Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P1 toàn bộ số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 268.642.193 đồng (trong đó nợ gốc 262.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.278.056 đồng, nợ lãi quá hạn 122.326 đồng, nợ lãi chậm trả 41.811 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2026 theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ ngày 19/3/2021 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 70, diện tích 82,4m^2 đất ở tại đô thị toạ lạc đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là đường L, phường B, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/12/2011 cho ông Lữ Thanh P và bà Lê Thị O đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 595800 (đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh thay đổi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 02/3/2021). Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 ngang 05m, dài 16,65m, kết cấu khung cột sắt hộp, mái lợp tol, đòn tay sắt hộp, không trần, có 01 vách xây tường lửng 1,2m, nền lót gạch ceramic. Phần đất và công trình trên đất do chị

Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị Ú đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra Ngân hàng TMCP P1 không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1. Buộc chị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là 268.642.193 đồng (trong đó nợ gốc 262.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn 6.278.056 đồng, nợ lãi quá hạn 122.326 đồng, nợ lãi chậm trả 41.811 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng.

+ Trong trường hợp chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ ngày 19/3/2021 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 70, diện tích 82,4m^2 đất ở tại đô thị toạ lạc đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là đường L, phường B, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/12/2011 cho ông Lữ Thanh P và bà Lê Thị O đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 595800 (đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh thay đổi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 02/3/2021). Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 ngang 05m, dài 16,65m, kết cấu khung cột sắt hộp, mái lợp tol, đòn tay sắt hộp, không trần, có 01 vách xây tường lửng 1,2m, nền lót gạch ceramic.

+ Về chi phí tố tụng và án phí: Chị H1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Nguyễn Thị H1, chị H1 đang cư trú trên địa bàn phường B, tỉnh Cà Mau nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 –

Cà Mau thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị H1 và bà Ú đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị H1 và bà Ú là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 19/3/2021, Ngân hàng TMCP P1, chi nhánh B với chị Nguyễn Thị H1 đã ký hợp đồng tín dụng số 0023/2021/HĐTD-OCB-CN để vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng, mục đích bù đắp tiền mua bất động sản với lãi suất trong hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay là 120 tháng, tiền gốc và tiền lãi được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 15 của tháng. Chị H1 đã nhận đủ tiền vay bằng hình thức chuyển khoản theo Khế ước nhận nợ - Khách hàng cá nhân số 0023/2021/KUNN-OCB-CN ngày 20/3/2021.

[4] Ngân hàng TMCP P1 xác định do chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện yêu cầu chị H1 phải thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho chị H1 nhiều lần nhưng chị H1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1. Từ đó cho thấy, việc chị H1 có vay tiền và hiện vẫn còn nợ tiền Ngân hàng TMCP P1 là thực tế có xảy ra. Do đó, Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện yêu cầu chị H1 trả nợ là có căn cứ. Quá trình thực hiện hợp đồng chị H1 thanh toán được số tiền gốc 237.800.000 đồng thì ngưng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc Ngân hàng TMCP P1 khởi kiện yêu cầu chị H1 phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[5] Xét yêu cầu trả tiền gốc: Căn cứ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì chị H1 vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền gốc là 500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị H1 đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 237.800.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 262.200.000 đồng. Chị H1 không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền Ngân hàng TMCP P1 xác định chị H1 đã trả nợ nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chị H1 còn nợ Ngân hàng TMCP P1 số tiền gốc là 262.200.000 đồng nên Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu chị H1 trả là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng nên Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu chị H1 phải trả tiền lãi trong hạn là 6.278.056 đồng, lãi quá hạn là 122.326 đồng, lãi chậm trả là 41.811 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm cho khoản vay thì ngày 19/3/2021, chị H1 đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ với Ngân hàng TMCP P1 để thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 61, tờ bản

đồ số 70, diện tích 82,4m^2 đất ở tại đô thị toạ lạc đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là đường L, phường B, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/12/2011 cho ông Lữ Thanh P và bà Lê Thị O đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 595800 (đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh thay đổi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 02/3/2021). Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 ngang 05m, dài 16,65m, kết cấu khung cột sắt hộp, mái lợp tol, đòn tay sắt hộp, không trần, có 01 vách xây tường lửng 1,2m, nền lót gạch ceramic. Việc thế chấp này có chứng thực và đăng ký thế chấp hợp pháp theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Nay Ngân hàng TMCP P1 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp chị H1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1, buộc chị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền gốc là 262.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2026 lãi trong hạn là 6.278.056 đồng, lãi quá hạn là 122.326 đồng, lãi chậm trả là 41.811 đồng, tổng cộng 268.642.193 đồng. Đồng thời kể từ ngày 01/4/2026, chị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng TMCP P1. Trường hợp chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ ngày 19/3/2021 đã ký kết để thu hồi nợ. Phần đất và công trình trên đất do chị Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị Ú đang quản lý, sử dụng nên buộc chị H1 và bà Ú có nghĩa vụ giao đất và công trình trên đất khi Ngân hàng TMCP P1 có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ trong trường hợp chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chị H1 phải chịu 600.000 đồng. Ngân hàng TMCP P1 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.000.000 đồng tại Phiếu thu số 158KV ngày 24 tháng 11 năm 2025, đã chi hết số tiền 600.000 đồng. Ngân hàng TMCP P1 đã được nhận lại số tiền 1.400.000 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Buộc chị H1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền 600.000 đồng.

[10] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của Ngân hàng P1 được chấp nhận là 13.432.000 đồng. Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 299, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đối với chị Nguyễn Thị H1.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền gốc là 262.200.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/3/2026 lãi trong hạn là 6.278.056 đồng, lãi quá hạn là 122.326 đồng, lãi chậm trả là 41.811 đồng, tổng cộng 268.642.193 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày 01/4/2026 chị Nguyễn Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1.

1.2. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0023/2021/BĐ ngày 19/3/2021 là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 70, diện tích 82,4m^2 đất ở tại đô thị toạ lạc đường L, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là đường L, phường B, tỉnh Cà Mau) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 07/12/2011 cho ông Lữ Thanh P và bà Lê Thị O đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 595800 (đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B điều chỉnh thay đổi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 02/3/2021). Hiện trạng trên đất có căn nhà cấp 4 ngang 05m, dài 16,65m, kết cấu khung cột sắt hộp, mái lợp tol, đòn tay sắt hộp, không trần, có 01 vách xây tường lửng 1,2m, nền lót gạch ceramic. Phần đất và công trình trên đất do chị Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị Ú đang quản lý, sử dụng nên buộc chị Nguyễn Thị H1 và bà Trần Thị Ú có nghĩa vụ giao đất và công trình trên đất khi Ngân hàng TMCP P1 có yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ trong trường hợp chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 600.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.000.000 đồng tại Phiếu thu số 158KV ngày 24 tháng 11 năm 2025, đã chi hết số tiền 600.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đã được nhận lại số tiền

1.400.000 đồng tại Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Buộc chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P1 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.432.000 đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 không phải chịu án phí. Ngân hàng thương mại cổ phần P1 đã dự nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 7.557.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001805 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly